

Bản án số: 03/2020/HS-ST
Ngày 05-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Hải và Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Liệu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2019/TLST –HS ngày 27 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Kpă L, sinh ngày 22/8/2000 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn N, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nay Pơp và bà Kpă H'Poan; Nhân thân: Xấu, Ngày 15/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện K tuyên phạt 04 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” và ngày 23/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện K tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản”. Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/10/2019 cho đến ngày 09/10/2019 chuyển sang tạm giam liên tục cho đến nay, hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Văn Y, sinh năm 1978 tại huyện X, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Buôn C, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: sửa xe; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Yển và bà Ngô Thị Minh; có vợ và 02 con, con nhỏ nhất sinh năm 2017. Nhân thân: tốt; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nay Y T, sinh năm 1998

Địa chỉ: Buôn T, xã Chư D, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Kpă L:* Bà Bùi Thị Phụng – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Alê P, sinh năm 2001. Có mặt

Địa chỉ: Buôn T, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Anh Nay Dăm T, sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 26/9/2019, Kpă L từ nhà đi bộ đến buôn T, xã C để đi tìm tài sản trộm cắp. Kpă L phát hiện trước cửa nhà anh Nay Y T, tại buôn T, xã C dựng 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha loại Sirius, không có biển số, không có người trông coi, trong nhà điện sáng, L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này nên mở cửa đi vào trong nhà tìm chìa khoá thì thấy chiếc khóa xe để trong giỏ đựng kem đánh răng treo trên tường nhà. L cắm chìa khóa vào xe, dắt xe ra đường đi được khoảng 100 mét thì nổ máy, điều khiển xe chạy về nhà Alê P, trú tại buôn T, xã I ngủ qua đêm. Khoảng 12 giờ trưa ngày 27/9/2019, L nói với P chiếc xe trên là của vợ chồng L cần bán để lấy tiền và rủ P cùng đi bán xe, Alê P đồng ý và dẫn Kpă L đến tiệm sửa xe của Hoàng Văn Y, trú tại Buôn C, xã I, huyện K để bán xe. Tại đây, Kpă L nói bán chiếc xe trên với giá 2.000.000 đồng, Hoàng Văn Y hỏi xe có giấy tờ không, Kpă L nói xe không có giấy tờ nên Hoàng Văn Y nói giá 2.000.000 đồng đắt quá nên không mua. Kpă L và Alê P điều khiển xe đi khoảng 30 phút thì quay lại tiệm của Hoàng Văn Y hỏi bán với giá 1.500.000 đồng. Lúc này, Hoàng Văn Y nhận thức được xe này do trộm cắp mà có vì khi kiểm tra xe Y phát hiện xe còn mới, nếu bán ra giá thị trường khoảng 20.000.000 đồng, xe bán không có giấy tờ nên Hoàng Văn Y trả giá 1.200.000 đồng thì Y sẽ mua và được Kpă L đồng ý bán. Hoàng Văn Y giao tiền cho Kpă L.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐG ngày 08/10/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện K xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius biển kiểm soát 81N1- 172.40 màu sơn: trắng- cam, số máy E3X9E586555 có giá 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Đối với Alê P, khi Kpă L rủ đi bán xe thì Alê P không biết xe do Kpă L trộm cắp mà có và không nhận tiền bán xe từ L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Alê P.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Kpă L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm

2017(sau đây gọi tắt là BLHS) và bị cáo Hoàng Văn Y về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Kpã L phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo Hoàng Văn Y phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS: xử phạt bị cáo Kpã L từ 09 đến 12 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của BLHS: xử phạt bị cáo Hoàng Văn Y từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS truy thu của bị cáo Kpã L 1.200.000 đồng tiền thu lợi bất chính mà có.

Ngoài ra còn buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước.

Quan điểm bào chữa của trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo L đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện sát nhân dân huyện K về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo L không quá 09 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định về hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Vào đêm ngày 26 rạng sáng ngày 27 tháng 9 năm 2019 bị cáo Kpã L đã lợi dụng điều kiện tài sản của chủ sở hữu không có người trông coi, quản lý nên đã có hành vi lén lút, bí mật trộm cắp 01 xe mô tô

nhãn hiệu Yamaha loại Sirius biển kiểm soát 81 N1-172.40 màu sơn: trắng- cam của anh Nay Y T có trị giá 22.000.000 đồng, nhằm chiếm đoạt tài sản với động cơ, mục đích tư lợi cá nhân bán lấy tiền tiêu xài, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân.

Còn bị cáo Hoàng Văn Y biết rõ xe mô tô Yamaha loại Sirius biển kiểm soát 81 N1-172.40 màu sơn: trắng- cam, là tài sản do L trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ của L vì ham rẻ để thu lợi bất chính.

Như vậy, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo L và hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo Y rõ ràng là có lỗi và sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra là có căn cứ pháp lý.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Kpă L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS; bị cáo Hoàng Văn Y đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo về các hành vi theo các tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo L và Y không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 của BLHS là phù hợp.

[4] Về tính chất, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Các bị cáo L và Y là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi nguy hiểm và gây hậu quả xấu cho xã hội làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Nay cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo là điều cần thiết.

Bị cáo L là người một mình trực tiếp khởi xướng và thực hiện rất tích cực trộm cắp tài sản thuộc sở hữu của anh Nay Y T, nên bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi trộm cắp tài sản này. Bị cáo Kpă L đã 02 lần bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, cụ thể là: Ngày 15/3/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pa tuyên phạt 04 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” và ngày 23/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện K tuyên phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS là tội phạm ít nghiêm trọng khi bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 107 của BLHS bị cáo Kpă L được coi là không có án tích. Tuy nhiên vẫn xem bị cáo có nhân thân xấu. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thì bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS được áp dụng cho bị cáo.

Bên cạnh đó bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn của huyện Krông Pa, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS được áp dụng cho bị cáo.

Đối với bị cáo Y khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thì bị cáo tỏ ra thành thật khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát thì HĐXX thấy bị cáo L trước đây đã 02 lần trộm cắp tài sản bị xử phạt tù nhưng không lấy đó làm bài học để sửa đổi, cải tạo trở thành người công dân tốt và còn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo là xử phạt bị cáo hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Còn bị cáo Y là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mang tính bộc phát, bị cáo là lao động chính trong gia đình có vợ không có nghề nghiệp gì đang nuôi con nhỏ sinh năm 2017. Nên có đủ điều kiện để xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo có thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 của BLHS 2015, Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS 2015 về án treo, mà không cần phải cách ly bị cáo Y ra khỏi đời sống cộng đồng xã hội. Nhưng vẫn đảm bảo tính giáo dục, cải tạo, trừng trị nói riêng đối với bị cáo, tính răn đe phòng ngừa chung cho xã hội tại địa phương.

Xét lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Đối với Alê P, khi Kpă L rủ đi bán xe thì Alê P không biết xe do Kpă L trộm cắp mà có và không được chia tiền bán xe từ L nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Alê P là đúng quy định pháp luật. Nay HĐXX không xem xét đến nữa.

Đối với số tiền bị cáo L bán xe mô tô biển kiểm soát 81 N1-172.40 màu sơn: trắng- cam cho bị cáo Y là 1.200.000 đồng. Nay tại phiên tòa bị cáo Y không có yêu cầu bị cáo L trả lại số tiền này. Đây là tiền bị cáo L thu lợi bất chính cho nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: 01 xe mô tô Yamaha loại Sirius biển kiểm soát 81 N1-172.40 màu sơn: trắng- cam mà bị cáo L trộm cắp của anh T thì đã được trả lại cho bị hại là anh Nay Y T xong. Nay tại phiên tòa bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng không yêu cầu gì thêm về dân sự; giữa bị cáo và bị hại, không có bên

nào còn tranh chấp, yêu cầu và đề nghị gì khác nên trách nhiệm dân sự trong vụ án HĐXX không phải xem xét giải quyết.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Do bị cáo L không có nghề nghiệp chính mà sống phụ thuộc cha mẹ, làm nông phụ giúp cha mẹ và bị cáo Y có nghề sửa xe máy nhưng thu nhập không ổn định không có tài sản gì trị giá, cho nên HĐXX quyết định không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] *Về án phí*: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Kpă L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và bị cáo Hoàng Văn Y phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Kpă L 10 (Mười) tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 03/10/2019.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Y 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 05/02/2020.

Giao người được hưởng án treo Hoàng Văn Y cho UBND xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của BLHS và khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Truy thu của bị cáo Kpă L 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*), tiền thu lợi bất chính để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Kpă L và Hoàng Văn Y, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/02/2020), còn bị hại anh Nay Y T có quyền kháng cáo kể từ ngày

nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND h. K (02 bản);
- Công an h. K(03 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại (01 bản);
- Chi cục THADS h. K (01 bản);
- Lưu HS vụ án, THA hình sự (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đỗ Khắc Toàn